

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ SA

QUYỂN 31

LUẬN VỀ ÁI KÍNH (Phần 3)

Đã nói về mười lực của Phật, nên nói đến bốn Vô úy. Thế nào là bốn? Đó là:

1. Chánh đẳng Giác vô úy. Như trong kinh nói “Ta là bậc chánh Đẳng giác đối với các pháp, nếu có Sa môn-phạm chí-thiên ma-phạm... ở thế gian, dựa vào pháp thiết lập vấn nạn, khiến nhớ lại đối với pháp như vậy không phải là Chánh Đẳng giác, thì điều này này không hề có. Giả sử sẽ có thì Ta đối với điều này nhìn nhận đúng đắn không biết do đâu mà được an ổn không có gì sợ hãi, tự xưng ta vào địa vị tôn quý của bậc Đại tiên, chính là bậc Sư tử hống ở giữa đại chúng chuyển Đại phạm luân, tất cả sa môn-phạm chí-thiên ma-phạm... ở thế gian vốn không có năng lực chuyển được”

2. Lậu vĩnh tận vô úy. Như trong kinh nói: “Ta đối với các lậu đã được vĩnh viễn không còn, nếu sa môn-phạm chí-thiên ma-phạm... ở thế gian, dựa vào pháp thiết lập vấn nạn hoặc khiến nhớ lại các lậu như vậy chưa được vĩnh viễn hết sạch, thì điều này không hề có. Giả sử có..., cho đến nói rộng ra.”

3. Thuyết chướng pháp vô úy. Như trong kinh nói: Ta vì đệ tử nói về pháp chướng ngại, nhiễm thì chắc chắn bị chướng ngại. Nếu sa môn-phạm chí-thiên ma-phạm... ở thế gian, dựa vào pháp thiết lập hoặc nhớ lại các pháp chướng ngại này nhiễm mà không bị chướng ngại thì điều này không hề có. Giả sử sẽ có..., cho đến nói rộng ra”

4. Thuyết xuất đạo vô úy. Như trong kinh nói : “Ta vì đệ tử nói về đạo có năng lực xuất ly, tu thì chắc chắn thoát khổ. Nếu sa môn-phạm chí-thiên ma-phạm... ở thế gian, dựa vào pháp thiết lập hoặc nhớ lại tu đạo như vậy không có năng lực thoát khổ, thì điều này không hề có. Giả

sử sẽ có thì Ta đối với điều này nhìn nhận đúng đắn không biết do đâu

mà được an ổn không có gì sợ hãi, tự xưng Ta vào địa vị tôn quý của bậc Đại tiên chính là bậc Sư tử hồng ở giữa đại chúng chuyển Đại phạm luân, tất cả sa môn-phạm chí-thiên ma-phạm... ở thế gian vốn không có năng lực chuyển được”

Hỏi: Bốn pháp vô úy này lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Cũng lấy trí làm tự tánh. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì vô úy thứ nhất tức là Lực thứ nhất, vô úy thứ hai tức là Lực thứ mười, vô úy thứ ba tức là Lực thứ hai, vô úy thứ tư tức là Lực thứ bảy. Đã nói về tự tánh, nguyên cơ nay sẽ nói đến.

Hỏi: Vì sao gọi là Vô úy, Vô úy nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa về không nhiếp nhược là nghĩa của Vô úy, nghĩa về không khuynh động, nghĩa về dũng mãnh, nghĩa về an ổn, nghĩa về thanh tịnh, nghĩa về tươi sáng, nghĩa về không kinh hãi, đều là nghĩa của Vô úy.

Giới là bốn Vô úy này, nếu hữu lậu thì thuộc ba cõi, vô lậu thì không hệ thuộc. Địa là bốn Vô úy này, nếu hữu lậu thì thuộc về mười nên địa, vô lậu thì thuộc chín địa. Sở y là bốn Vô úy này đều dựa vào người cõi Dục với thân Đại trượng phu của châu Thiệm bộ, bởi vì chỉ dựa vào thân này mà được thành Phật.

Hành tướng của mười sáu hành tướng của Vô úy thứ nhất, hoặc là hành tướng khác. Vô úy thứ hai là sự ham muốn đối với các quả báo khiến duyên vào cảnh lậu tận gọi là Vô úy lậu tận, đó là nói đến bốn hành tướng của Diệt, hoặc là hành tướng khác, sự ham muốn đối với quả báo khiến dựa vào thân lậu tận, gọi là Vô úy lậu tận, đó là nói đến mười sáu hành tướng, hoặc là hành tướng khác. Vô úy thứ ba là tám hành tướng của khổ-tập, hoặc là hành tướng khác. Vô úy thứ tư là mười sáu hành tướng, hoặc là hành tướng khác.

Sở duyên là Vô úy thứ nhất duyên với tất cả các pháp. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với Diệt đế nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với tất cả các pháp. Vô úy thứ ba duyên với Khổ-Tập

Đế: Vô úy thứ tư chỉ duyên với Bốn Đế.

Niệm trú: Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì à pháp niệm trú, nếu dựa vào thân lậu tận thì đủ bốn Niệm trú. Ba Vô úy còn lại đều đủ bốn Niệm trú.

Trí thì Vô úy thứ nhất và vô úy thứ tư đều gồm cả mười trí. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì chỉ có sáu trí, đó là Pháp trí-loại trí-Diệt trí-Tận trí-Vô sinh trí và thế tục trí, nếu dựa vào thân lậu tận thì

gồm cả mười trí. Vô úy thứ ba chỉ có tám trí, đó là trừ ra Diệt-Đạo trí.

Tam-ma-địa cùng có: Vô úy thứ nhất và Vô úy thứ tư có ba Tam-ma-địa hoặc khôn cùng có. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì cùng có vô tướng hoặc không cùng có, nếu dựa vào thân lậu tận thì cùng có ba Tam-ma-địa hoặc không cùng có. Vô úy thứ ba duyên với Khổ-tập cùng có Không-Vô nguyện, hoặc không cùng có.

Căn tương ứng thì nói tổng quát đề tương ứng với ba căn đó là Lạc-hỷ-xả. Quá khứ-vị lai và hiện tại, thì Vô úy này đều nối thông cả ba đời.

Duyên với quá khứ-vị lai-hiện tại, thì Vô úy thứ nhất và Vô úy thứ tư duyên với ba đời và lia xa đời. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với lia xa đời, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với ba đời và lia ba đời.

Thiện-Bất thiện và vô ký thì bốn Vô úy này đều là thiện. Duyên với thiện-bất thiện và vô ký, Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với ba loại. Ba Vô úy còn lại đều duyên với ba loại.

Hệ thuộc và không hệ thuộc, bốn Vô úy này nếu hữu lậu thì hệ thuộc ba cõi, vô lậu thì không hệ thuộc.

Duyên với hệ thuộc và không hệ thuộc, thì vô úy thứ nhất và Vô úy thứ tư duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với không hệ thuộc, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc. Vô úy thứ ba chỉ duyên với hệ thuộc ba cõi.

Học-vô học và phi học phi vô học, bốn Vô úy này nếu là vô lậu thì đó là vô học, hữu lậu thì đó là phi học phi vô học.

Duyên với học-vô học và phi học phi vô học, vô úy thứ nhất và vô úy thứ tư duyên với cả ba loại. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với phi học phi học, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với ba loại. Vô úy thứ ba chỉ duyên với phi học phi vô học.

Do kiến đoạn, do tu mà đoạn và không đoạn, bốn vô úy này nếu là hữu lậu thì do tu mà đoạn, vô lậu thì không đoạn.

Duyên với do kiến mà đoạn, do tu mà đoạn và không đoạn, vì vô úy thứ nhất và vô úy thứ tư duyên với cả ba loại. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với không đoạn, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với cả ba loại. Vô úy thứ ba duyên với do kiến-tu mà đoạn.

Duyên với danh, duyên với nghĩa, vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì chỉ duyên với nghĩa, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên

với tất cả danh và nghĩa. Ba vô úy còn lại đều duyên với danh nghĩa.

Duyên với tương tục-tha tương tục và phi tương tục, thì vô úy thứ nhất và Vô úy thứ tư duyên với cả ba loại. Vô úy thứ hai nếu duyên với cảnh lậu tận thì duyên với phi tương tục, nếu dựa vào thân lậu tận thì duyên với cả ba loại. Vô úy thứ ba thì duyên với tự-tha tương tục.

Gia hạnh đặc-ly nhiễm đặc, thì bốn Vô úy này đều có thể nói là gia hạnh đặc, bởi vì trải qua ba vô số kiếp tích tập gia hạnh thù thắng mà đạt được, đều có thể nói là ly nhiễm đặc, bởi vì lúc lìa nhiễm của Hữu đảnh đạt được Tận trí mà đạt được vô úy.

Hỏi: Bốn Vô úy này thì gia hạnh như thế nào?

Đáp: Gia hạnh này có hai loại:

1. Gia hạnh gần, đó là Thuận quyết trạch phần..,
2. Gia hạnh xa, đó là bắt đầu từ lúc không lui sụt tâm Bồ đề..

Như vậy đã nói về mười Lực và bốn Vô sở úy, mỗi nên lực thâm nhiếp bốn Vô úy, mỗi nên vô úy thâm nhiếp mười Lực và bốn mươi Vô úy. Nhưng trước đã nói vô úy thứ nhất tức là Lực thứ nhất, vô úy thứ hai tức là Lực thứ mười, vô úy thứ ba tức là Lực thứ hai, vô úy thứ tư tức là Lực thứ bảy, dựa vào nhau mà hiển bày để nói về ý thật. Đức Thế Tôn thành tựu bốn mươi Lực và bốn mươi Vô úy, dựa vào căn bản mà nói cho nên chỉ nói là thành tựu mười Lực và bốn Vô sở úy.

Hỏi: Nếu mười Lực thâm nhiếp bốn vô úy, bốn vô úy thâm nhiếp mười lực, thì Lực và Vô úy có gì sai biệt?

Đáp: Có người nói hai pháp không có gì sai biệt, bởi vì thâm nhiếp lẫn nhau. Có người nói hai pháp cũng có gì sai biệt, mà tên gọi tức là sai biệt, nghĩa là tên gọi là Lực, tên gọi là Vô úy. Lại nữa, kiên cường là Lực, dũng cảm quyết đoán là Vô úy. Lại nữa, an trú là Lực, không thể làm cho khuynh động là Vô úy. Lại nữa, không thể làm cho khuất phục là Lực, không khiếm nhược là vô úy. Tự lợi là Lực, lợi tha là Vô úy. Lại nữa, tự mình nhiếp thọ là Lực, nhiếp thọ người khác là Vô úy. Lại nữa không do người khác mà thắng là Lực, có thể thắng được người khác là Vô úy. Lại nữa không do người khác mà hàng phục là Lực, có thể hàng phục người khác là Vô úy.

Lại nữa, trí của tự tướng là Lực, trí của cộng tướng là Vô úy. Lại nữa trí là Lực, biện giải là Vô úy. Lại nữa, nhân là Lực, quả là Vô úy. lại nữa, tự mình thông đạt là Lực, có thể giải thích cho người khác là Vô úy. Lại nữa, thông đạt về nghĩa lý là Lực, thông đạt về văn từ là Vô úy. Lại nữa, pháp nghĩa vô ngại giải là Lực, tự biện vô ngại giải là Vô úy. Lại nữa, đối với nghĩa của pháp giải thích không trở ngại, hoàn toàn

sáng tỏ là Lực, đối với ngôn từ biện luận không trở ngại, hoàn toàn sáng tỏ là Vô úy. Lại nữa, tích tập là Lực, thọ dụng à Vô úy. Lại nữa, như tự làm dồi dào tài sản châu báu là Lực, như có thể phân chia giúp cho người là Vô úy. Lại nữa, như hiểu rõ phương pháp chữa bệnh là Lực, như có thể chữa lành bệnh là Vô úy. Lại nữa, trí tuệ sáng suốt là Lực, không sợ người khác chất vấn là Vô úy. Đó gọi là sự sai biệt giữa Lực và Vô úy, nên nói đến Đại bi.

Hỏi: Đại bi lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Lấy trí làm tự tánh. Có người nói: Đại bi là tự tánh riêng chứ không phải do trí thâm nhiếp. Nói như vậy thì Đại bi là trí không thể riêng biệt, như biết thuốc và bệnh... mà cứu chữa có hiệu quả. Đã nói về tự tánh, nguyên cớ nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là Đại bi, Đại bi có nghĩa là gì?

Đáp: Bạt tể khổ nạn chồng chất giúp cho hữu tình cho nên gọi là Đại bi, nghĩa là trong khổ nạn tột cùng của địa ngục-bàng sanh-ngạ quỷ, cứu giúp khiến thoát ra mà an trí những nơi vui sướng như người trời... Lại nữa, cứu giúp chúng sinh ra khỏi bùn lầy cùng cực, cho nên gọi là Đại bi, nghĩa là loài hữu tình chìm trong bùn lầy chồng chất phiền não, đưa cánh tay Chánh pháp kéo lên khiến cho thoát ra mà an trí vào trong Thánh đạo và Đạo quả. Lại nữa, trao cho những hữu tình những nghĩa lợi to lớn, cho nên gọi là Đại bi, nghĩa là dạy cho chúng sanh đoạn trừ ba ác đạo, tu tập ba diệu hạnh, gieo trồng chủng tử giàu có vui sướng tôn quý, cảm được quả tôn quý vô cùng giàu có vui sướng, hình sắc tuyệt vời mọi người đều thích nhìn, da thịt thân thể mịn màng tươi sáng thanh tịnh, hoặc làm Luân vương, hoặc làm Đế thích, hoặc làm Ma vương, hoặc làm Phạm vương, lần lượt chuyển tiếp cho đến hoặc là sanh đến Hữu đảnh, hoặc lại gieo trồng chủng tử ba thừa dẫn dắt đạt được Bồ-đề Niết-bàn của ba thừa. Như vậy nhờ vào uy lực của Đại bi.

Lại nữa, do đạt được giá trị to lớn, cho nên gọi là Đại bi, nghĩa là tất cả mọi lúc ở tất cả mọi nơi, bố thí tất cả mọi vật yêu quý như thân mạng-tài sản và vợ con..., cứu giúp khổ nạn nghèo khó thiếu thốn cho các chúng sinh, thọ trì đầy đủ giới cấm thanh tịnh, thà bỏ thân mạng chứ không hề hủy phạm, từ những đánh mắng-lãng nhục-cắt lia thân thể cho đến đoạn dứt mạng sống mà không hề oán giận, tinh tấn thực hành khổ hạnh chưa từng tạm nghỉ, luôn luôn ở nơi vắng lặng chuyên tu Tĩnh lự, vì tuệ thù thắng cho nên cầu pháp không hề lời lộng. Viên mãn giá trị to lớn với phước đức-trí tuệ-tư lương như vậy, mới đạt được Đại bi thanh tịnh cứu giúp mọi khổ nạn như vậy, không giống như hàng Nhị thừa

hoặc giúp cho nên cho nên bữa ăn, trì giới nên đêm, cho đến tư duy về nên bài tụng bốn câu liền đạt được quả ấy.

Lại nữa, đạt được gia hạnh to lớn, cho nên gọi là Đại bi, nghĩa là cần phải trải qua ba vô số Đại kiếp tu tập trăm ngàn khổ hạnh khó thực hành mới đạt được Đại bi vô hạn như vậy, không giống hàng Thanh văn căn tánh nhanh nhạy trải qua sáu mươi kiếp tu các gia hạnh liền đạt được Bồ-đề, không giống như hàng Độc giác căn tánh rất nhanh nhạy chỉ trải qua trăm kiếp tu các gia hạnh liền được Bồ-đề.

Lại nữa, dựa vào thân to lớn mà phát khởi, cho nên gọi là Đại bi, nghĩa là Đại bi này quyết định dựa vào thân do ba mươi hai loại tướng Đại tướng phu mà trang nghiêm tám mươi vẻ đẹp xen nhau trang điểm cho thân thể, thân màu vàng ròng luôn luôn tỏa sáng nên tằm, không ai có thể nhìn thấy đỉnh đầu, chúng sinh nào được gặp đều cảm thấy được lợi ích. Đại bi dựa vào thân thù thắng như vậy, không giống như công đức mà hàng Nhị thừa dựa vào thân thấp bé, tướng mạo không tròn vẹn, không có uy đức cũng có thể hiện khởi được.

Lại nữa, xả bỏ niềm an lạc to lớn với vô lượng vô biên pháp bất cộng của Phật vô cùng thù thắng, hết sức tuyệt vời, vượt qua trăm ngàn câu chi biển rộng, vòng quanh núi non cùng những nơi hiểm nạn, đi khắp nơi mười phương cứu khổ cho chúng sanh, đem lại niềm an lạc cho chúng sanh. Như vậy đều là uy lực của Đại bi.

Lại nữa, vì hóa độ vô lượng hữu tình khó hóa độ mà tạo ra những việc làm vô cùng vất vả thật khó làm được cho nên gọi là Đại bi, nghĩa là Đức Phật tuy ở địa vị tôn quý nhất mà vì chúng sanh, cho nên lúc làm thợ gốm, có lúc làm người buôn, có lúc làm lực sĩ, có lúc làm chủ săn, có lúc làm vai hề, có lúc làm bán trắng hoa, có lúc đẩy thuyền mảng... Làm những việc xen tạp thấp kém như vậy, để cứu giúp các loại hữu tình đã được cảm hóa. Có lúc dẫn A-nan đi qua khắp năm nẻo, ngày đêm không ngừng làm lợi ích cho hữu tình. Có lúc làm cho Chỉ Man được độ thoát mà kéo dài hoặc rút ngắn khoảng cách lúc xa-lúc gần, khiến cho kẻ ấy được điều phục rồi sau đó mới hóa độ.

Tuy các Đức Phật thành tựu phẩm đức tâm quý tăng thượng nhưng vì hữu tình mà hiện rõ tướng âm tàng, khiến cho họ trông thấy rồi chấm dứt sự phỉ báng, vô lượng hữu tình nghe thấy đều thuận theo được cảm hóa. Tuy là từ lâu xa đoạn trừ sự vọng vàng, đùa cợt, nhưng vì hữu tình mà hiện ra tướng lưỡi rộng dài cho đến bờ tóc che kín khuôn mặt, khiến cho hữu tình nhờ đó mà tiếp nhận sự giáo hóa của Đức Phật. Những sự việc như vậy, vô lượng vô biên mà tất cả nhờ vào uy lực của Đại bi.

Lại nữa, khuynh động và đại xả, cho nên gọi là đại bi, nghĩa là Đức Phật thành tựu hai loại Đại pháp:

1. Đại xả.
2. Đại bi.

Nếu Đức Phật an trú trong pháp Đại xả thì giả sử các loài hữu tình khắp mười phương, cùng lúc thổi tù và lớn và đánh trống lớn, hoặc hiện ra tiếng sấm vang động, chớp giạt sáng lòe, sét nổ đing tai, núi rừng đất đai rung chuyển long trời lở đất, không thể nào làm Đức Phật khởi tâm nghe nhìn sự việc đang xảy ra. Nếu lúc Đức Phật hiện khởi pháp Đại bi, đánh vào núi Đại xả làm cho chấn động, cũng khiến cho vô lượng sức mạnh của Na-la-diên hợp lại thành thân, như luồng gió rất mạnh thổi vào ngọn cỏ nhỏ bé khắp nơi bỗng bành chuyển động, làm những việc lợi lạc tốt đẹp cho hữu tình. Do những nghĩa trên đây, cho nên gọi là Đại bi.

Đại bi như vậy thì Giới chỉ là cõi Sắc, địa chỉ thuộc về Tịnh lục thứ tư. Sở y là chỉ dựa vào người ở cõi Dục với thân Đại Trượng Phu của châu Thiêm bộ, bởi vì chỉ dựa vào thân này mà đạt được Đại bi. Hành tướng thì không phải là mười sáu hành tướng mà là hành tướng khác. Sở duyên là duyên với tất cả các pháp của hữu tình trong ba cõi. Niệm trú thì có pháp niệm trú. Trí thì chỉ có Thế tục trí. Tam-ma-địa cùng có thì không phải là cùng có Tam-ma-địa. Căn tương ứng thì tương ứng với xả căn. Quá khứ-vị lai-hiện tại thì đều là ba đời. Duyên với quá khứ-vị lai-hiện tại thì duyên với ba đời. Thiện-bất thiện và vô ký thì chỉ là thiện. Duyên với Thiện-bất thiện và vô ký thì duyên với cả ba loại. Hệ thuộc và không hệ thuộc thì chỉ hệ thuộc cõi sắc. Duyên với hệ thuộc và không hệ thuộc thì duyên với hệ thuộc ba cõi. Học-vô học và phi học phi vô học thì chỉ phi học phi vô học. Do kiến mà đoạn_do tu mà đoạn và không đoạn, thì chỉ duyên với do kiến-tu mà đoạn. Duyên với danh-duyên với nghĩa thì duyên với tất cả danh nghĩa. Duyên với tự tướng tục-tha tướng tục và phi tướng tục, tuy duyên với tất cả tự-tha tướng tục mà phần nhiều là duyên với tha tướng tục. Gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc, có thể nói là gia hạnh đắc, bởi vì trải qua ba vô số kiếp tích tập gia hạnh thù thắng mà đạt được, có thể là ly nhiễm đắc, bởi vì lúc lìa nhiễm của Hữu đẳng đạt được Tận trí mà đạt được Đại bi.

Hỏi: Thế nào gọi là gia hạnh Đại bi?

Đáp: Gia hạnh này có hai loại:

1. Gia hạnh gần, đó là Thuận quyết trạch phân...
2. Gia hạnh xa, đó là bắt đầu từ lúc không lui sụt tâm Bồ đề...

Hỏi: Đại bi này do lực nào thâm nhiếp?

Đáp: Do trí lực về xứ phi xứ thâm nhiếp, bởi vì công đức bất cộng của Đức Thế Tôn phần nhiều thâm nhiếp trong trí lực về xứ phi xứ.

Hỏi: Bi và Đại bi có gì sai biệt?

Đáp: Nên biết sơ lượt có tám loại sai biệt:

1. Tự tánh sai biệt, đó là Bi lấy thiện căn vô sân làm tự tánh, Đại bi lấy thiện căn vô si làm tự tánh.

2. Hành tướng sai biệt, đó là Bi làm hành tướng của Khổ Khổ, Đại bi làm hành tướng của ba Khổ.

3. Sở duyên sai biệt, đó là Bi chỉ duyên với cõi Dục, Đại bi duyên với tất cả ba cõi.

4. Dựa vào địa sai biệt, đó là Bi dựa vào tất cả mười địa, tức là bốn Tĩnh lự-bốn cận phần, Tĩnh lự trung gian và cõi Dục, Đại bi chỉ dựa vào tĩnh lự thứ tư.

5. Sở y sai biệt, đó là Bi dựa vào tất cả thân ba thừa và thân dị sinh, Đại bi chỉ dựa vào thân Phật.

6. Chứng đắc sai biệt, đó là Bi đạt được lúc lìa nhiễm của cõi Dục cho đến lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ ba, Đại bi chỉ đạt được lúc lìa nhiễm của Hữu đảnh.

7. Cứu tế sai biệt, đó là bi chỉ cứu tế hy vọng, Đại bi thành tựu sự nghiệp cứu tế.

8. Ai mãn sai biệt, đó là Bi thương xót không bình đẳng, Đại bi thương xót bình đẳng.

Trên đây gọi là sự sai biệt giữa Bi và Đại bi. Đã nói về Đại bi Đức Phật, tiếp theo sẽ nói về ba niệm trú. Thế nào là ba? Đó là:

1. Lúc Đức Phật thuyết pháp, nếu các đệ tử cung kính lắng nghe tiếp nhận, như lời dạy vâng mạng thực hành, Như Lai đối với họ không sinh tâm hoan hỷ không hằng hái mừng rỡ chỉ khởi lên Đại xả trú trong niệm chánh tri tùy theo sự thích hợp mà dạy dỗ.

2. Lúc đức Phật thuyết pháp, nếu các đệ tử không cung kính lắng nghe tiếp nhận, không như lời dạy vâng mạng thực hành, Như Lai đối với họ không sinh tâm sân hận, không hề chán chường oán trách, không rời bỏ trách nhiệm bảo vệ, chỉ khởi lên Đại xả trú trong niệm chánh tri tùy theo sự thích hợp mà dạy dỗ.

3. Lúc đức Phật thuyết pháp, nên phần đệ tử cung kính lắng nghe tiếp nhận, như lời dạy vâng mạng thực hành, nên phần đệ tử không cung kính lắng nghe tiếp nhận, không như lời dạy vâng mạng thực hành, Như Lai đối với họ không sinh tâm hoan hỷ cũng không sân hận chỉ khởi lên

Đại xả trú trong niệm chánh tri. Như vậy ba loại Niệm trú bất cộng nên biết cũng thâm nhiếp ở trí lực về xứ phi xứ, nghĩa phân biệt rộng ra như lý cần phải suy nghĩa!

Hỏi: Mười tám loại bất cộng này của Đức Phật, có mấy loại có thể làm chi thù thắng đối với thuyết pháp?

Đáp: Trừ ra ba Niệm trú, còn lại mười lăm loại đều có thể làm Chi thù thắng đối với thuyết pháp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì Đức Phật dựa vào mười Lực có thể thiết lập luận thuyết của mình, dựa vào bốn Vô úy có thể phá vỡ luận thuyết của người khác, dựa vào Đại bi mà khởi lên ý muốn thuyết pháp. Do ba loại này thành tựu sự nghiệp thuyết pháp, ba loại niệm trú có Lực như vậy, chỉ vào lúc thuyết pháp đối với chúng đệ tử không sinh tâm vui buồn, phát khởi Đại xả trú trong niệm chánh tri, gọi là pháp bất cộng.

Như trong kinh nói: “Như Lai thành tựu bảy loại diệu pháp. Thế nào là bảy loại? Đó là:

1. Biết rõ pháp
2. Biết rõ nghĩa
3. Biết rõ thời
4. Biết rõ lượng
5. Tự biết mình
6. Biết rõ chúng
7. Biết rõ sự sai biệt về hơn kém của Bồ-đặc-già-la.”

Hỏi: Bảy loại diệu pháp này thì loại nào có bao nhiêu tánh trí?

Đáp: Bảy loại này đều là tánh Thế tục trí. Có người đưa ra cách nói như vậy: Ba loại biết rõ pháp, biết rõ lượng, biết rõ chúng chỉ là Thế tục trí, nên loại biết rõ nghĩa đối với sự ham muốn về các quả báo khiến cho chỉ có Niết-bàn, là thắng nghĩa thì lấy sau trí làm tánh, đó là: Pháp trí-Loại trí-Diệt trí-Tận trí-Vô sinh trí và Thế tục trí, đối với sự ham muốn về các quả báo khiến cho tất cả pháp đều là thắng nghĩa thì lấy mười trí làm tánh. Biết rõ thời và tự biết mình, lấy tám trí tánh, trừ Diệt trí và Tha tâm trí. Biết rõ sự sai biệt về hơn kém của Bồ-đặc-già-la, lấy chín trí làm tánh, trừ diệt trí. Có Sư khác nói: Biết rõ thời cũng lấy chín trí làm tánh, đó là trừ ra Diệt trí.

Lời bình: Những điều đã nói như vậy tuy cũng có lý, nhưng mà trong kinh tất cả bảy loại này đều là tánh của Thế tục trí. Bởi vì điều biết rõ về sự và pháp có sai biệt.

Hỏi: Bảy loại diệu pháp này do lực mà thâm nhiếp?

Đáp: Đều do trí lực về xứ phi xứ thâm nhiếp.

Như trong kinh nói “Như Lai thành tựu năm Thánh trí về Tam-ma-địa. Thế nào là năm? Đó là:

1. Có trí nội chứng phát sinh, biết Tam-ma-địa này là Thánh lìa nhiễm.

2. Có trí nội chứng phát sinh, biết Tam-ma-địa này không phải là nơi tiếp cận của người ngu, mà là nơi ca ngợi của người trí.

3. Có trí nội chứng phát sinh, biết Tam-ma-địa này là niềm vui hiện tại và niềm vui về sau.

4. Có trí nội chứng phát sinh, biết Tam-ma-địa này tịch tĩnh vi diệu, là đạo ngăn lại làm cho tâm hồn luôn luôn hướng đến mà có sự chứng đắc.

5. Có trí nội chứng phát sinh, biết Tam-ma-địa này do chánh niệm mà nhập, do chánh niệm mà xuất.”

Hỏi : Năm Thánh trí về Tam-ma-địa này thì loại nào có bao nhiêu tánh trí?

Đáp: Năm loại này đều là tánh Thế tục trí. Có người đưa ra cách nói như vậy: Đều là tánh của tám trí, đó là trừ ra diệt trí và Tha tâm trí. Tôn giả Diêu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Đều này là tánh của sáu trí, đó là trừ ra Khổ-Tập-Diệt và Tha tâm trí”

Lời bình: Những cách nói như vậy tuy cũng có lý, nhưng mà trong kinh nói tất cả năm loại này đều là tánh Thế tục, bởi vì đều biết rõ về Định và sự việc có sai biệt.

Hỏi: Năm Thánh trí về Tam-ma-địa do lực nào thâm nhiếp?

Đáp: Đều do trí lực về xứ phi xứ thâm nhiếp. Dựa vào giải thích về thân lực luận về những pháp gần kề rõ ràng.

Thế nào là Trạch diệt? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tôn chỉ của người khác để hiển bày chánh nghĩa. Nghĩa là hoặc có người chấp: Trạch diệt-Phi trạch diệt-Vô thường diệt không phải là thể có thật. Như phái Thí dụ đã nói, vì ngăn chặn cái chấp ấy mà hiển bày ba loại Diệt đều có thể thật. Hoặc lại có người chấp: Ba loại Diệt này đều là vô vi. Như Luận giả phân biệt đã nói, vì ngăn chặn cái chấp ấy mà hiển bày hai loại diệt là vô vi, Vô thường diệt là hữu vi. Vì vậy mà soạn ra phần luận này.

Hỏi: Thế nào là Trạch diệt?

Đáp: Các Diệt là lìa bỏ hệ thuộc, được lìa bỏ hệ thuộc đã đạt được thì gọi là Trạch diệt.

Hỏi: Thế nào là phi trạch diệt?

Đáp: Các Diệt mà không phải là lìa bỏ hệ thuộc, nghĩa là các pháp diệt cũng không lìa bỏ hệ thuộc, không đạt được lìa bỏ hệ thuộc mà đạt được, gọi là phi trạch diệt.

Hỏi: Thế nào là Vô thường diệt?

Đáp Các hành tản ra, hư hoại, sụp đổ, mất đi và lui sụt, thì gọi là Vô thường diệt.

Trong này, tản ra, hư hoại, sụp đổ, mất đi và lui sụt, vẫn tự tuy có sai biệt cùng biểu hiện về Vô thường diệt. Vả lại, nói các hành tản ra..., không giống như sự tung vãi các loại đậu mè... làm cho đến chỗ khác, mà chỉ biểu hiện do Vô thường diệt không còn có tác dụng gì nữa. Nghĩa là tự tánh của pháp hữu vi luôn có bởi vì tướng sinh, cho nên có tác dụng phát khởi, bởi vì tướng diệt, cho nên không còn tác dụng gì nữa gọi là tản ra, hư hoại, sụp đổ, mất đi và lui sụt.

Hỏi: Phi trạch diệt và Vô thường diệt có gì sai biệt?

Đáp: Phi trạch diệt nhờ vào khả năng chọn lựa mà thoát khỏi những dịch bệnh, tai họa bất ngờ, sâu não và các loại ma sự như thực hành các pháp khổ đau của thế gian, không phải là pháp điều phục, đoạn trừ, vượt qua đối với các tham dục. Vô thường diệt là các hành tản ra, hư hoại, sụp đổ, mất đi và lui sụt. Đây gọi là sự sai biệt giữa hai loại diệt.

Trong này, thoát khỏi những dịch bệnh, tai họa bất ngờ, sâu não và các loại ma sự cùng các pháp khổ đau, là hiển bày về pháp hữu lậu Phi trạch diệt thoát khỏi các pháp thực hành của thế gian, là hiển bày về pháp vô lậu Phi trạch diệt; không phải là pháp điều phục-đoạn trừ-vượt qua đối với các tham dục, là hiển bày về điểm khác nhau với Trạch diệt.

Hỏi: Vì sao trong này chỉ nói về sự sai biệt giữa Phi trạch diệt và Vô thường diệt, mà không nói đến Trạch diệt?

Đáp: Là ý của người soạn luận muốn như vậy, cho đến nói rộng ra. Lại nữa, trong này cần phải đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: Trạch diệt-Phi trạch diệt và Vô thường diệt có gì sai biệt?

Đáp: Trạch diệt là dựa vào khả năng chọn lựa cho nên pháp hữu lậu diệt mất, Phi trạch diệt là không dựa vào khả năng chọn lựa mà thoát khỏi những dịch bệnh, nói rộng ra như trước, Vô thường diệt là tản ra, hư hoại, sụp đổ, mất đi và lui sụt. Lại nữa, Trạch diệt là giải thoát, là tướng xa lìa hệ thuộc, Phi trạch diệt là giải thoát mà không phải là tướng xa lìa hệ thuộc. Vô thường diệt không phải là giải thoát không phải là tướng xa lìa hệ thuộc. Lại nữa, Trạch diệt đạt được từ pháp hữu

lậu trong trong ba đời, Phi trạch diệt đạt được từ pháp hữu vi không sinh của vị lai, Vô thường diệt chuyển biến từ tất cả pháp của hiện tại. Lại nữa, Trạch diệt là thiện, đạt được nó cũng thiện, Phi trạch diệt là vô ký, đạt được nó cũng vô ký, Vô thường diệt gồm cả ba loại, đạt được nó cũng là ba loại. Lại nữa, Trạch diệt là vô lậu, đạt được nó gồm cả hữu lậu và vô lậu. Trạch diệt là vô lậu, đạt được nó chỉ có hữu lậu, Vô thường diệt gồm cả hai loại, đạt được nó cũng gồm hai loại. Lại nữa, Trạch diệt là không hệ thuộc đạt được nó hoặc là hệ thuộc cõi Sắc hoặc là hệ thuộc cõi Vô sắc, hoặc là không hệ thuộc; Phi trạch diệt là không hệ thuộc đạt được nó chỉ là hệ thuộc ba cõi, Vô thường diệt hệ thuộc ba cõi, đạt được nó cũng hệ thuộc ba cõi, hoặc là không hệ thuộc. Lại nữa, Trạch diệt là phi học phi vô học, đạt được nó hoặc là học, hoặc là vô học, hoặc là phi học phi vô học; Phi trạch diệt là phi học phi vô học đạt được nó cũng chỉ là phi học phi vô học; Vô thường diệt gồm cả ba loại, đạt được nó cũng là ba loại. Lại nữa Trạch diệt là không đoạn, đạt được nó hoặc là do tu mà đoạn, hoặc là không đoạn; Phi trạch diệt là không đoạn, đạt được nó chỉ là do tu mà đoạn; Vô thường diệt gồm cả ba loại, đạt được nó cũng là ba loại. Lại nữa, Trạch diệt và Phi trạch diệt đều không nhiễm ô, đạt được nó cũng đều không nhiễm ô; Vô thường diệt gồm cả nhiễm ô và không nhiễm ô, đạt được nó cũng là hai loại. Như nhiễm ô và không nhiễm ô, có tội và không có tội, lui sụt và không lui sụt cũng như vậy.

Lại nữa, Trạch diệt không có dị thực, đạt được nó là có dị thực, hoặc là không có dị thực; phi trạch diệt không có dị thực, đạt được nó cũng không có dị thực, Vô thường diệt gồm cả hai loại, đạt được nó cũng có hai loại. Lại nữa, Trạch diệt là đạo quả, đạt được nó hoặc là đạo, là đạo quả, hoặc là chẳng phải đạo, chẳng phải đạo quả, đạt được nó hoặc là đạo, là đạo quả, hoặc là chẳng phải là đạo chẳng phải là đạo quả, Phi trạch diệt chẳng phải là đạo, chẳng phải là đạo quả, đạt được nó cũng chẳng phải là đạo chẳng phải là đạo quả; Vô thường diệt hoặc là đạo mà chẳng phải là đạo quả, hoặc là đạo cũng là đạo quả, hoặc chẳng phải đạo, chẳng phải đạo quả. Lại nữa, Trạch diệt thâm nhiếp Diệt đế, đạt được nó thâm nhiếp ba đế, trừ ra diệt đế; Phi trạch diệt không phải là đế thâm nhiếp, đạt được nó thâm nhiếp hai đế, đó là Khổ-Tập; Vô thường diệt thâm nhiếp ba đế, trừ ra diệt đế, đạt được nó cũng như vậy.

Cần phải đưa ra biện pháp biện giải rộng về sự sai biệt như vậy, mà không như vậy là bởi vì vì trước đây đã nói, nghĩa là Trạch diệt là

xa lìa hệ thuộc, Phi trạch diệt và Vô thường diệt không phải xa lìa hệ thuộc, đều không phải xa lìa hệ thuộc, cho nên cần phải biện giải về phân biệt. Có người nói: Hai loại diệt đều không dụng công mà được cùng với hai loại kia có khác nên không cần phải nói.

Hỏi: Đã biết Trạch diệt lấy xa lìa hệ thuộc làm thể, thì cần phải nói vì sao gọi là Trạch diệt chẳng?

Đáp: Trạch ấy gọi là Tuệ, Diệt là quả của nó, Diệt do Trạch mà được cho nên gọi là Trạch diệt. Lại nữa, luôn luôn vất vả, luôn luôn gia hạnh, luôn luôn dụng công chọn lựa các pháp đạt được diệt này, cho nên gọi là trạch diệt. Nghĩa là Khổ nhân-khổ trí quyết định chọn lựa Khổ để đạt được diệt từ pháp do kiến Khổ mà đoạn, Tập nhân-Tập trí quyết định chọn lựa Tập để, đạt được diệt từ pháp do kiến Tập mà đoạn, Diệt nhân-Diệt trí quyết định chọn lựa Diệt để, đạt được diệt từ pháp do kiến Diệt mà đoạn, Đạo nhân-Đạo trí quyết định chọn lựa Đạo để, đạt được diệt từ pháp do kiến Đạo mà đoạn. Dùng những trí như Khổ... nhiều lần quyết định chọn lựa Khổ thánh đế..., đạt được diệt từ pháp do tu mà đoạn, cho nên gọi là Trạch diệt.

Hỏi: Tự tánh của Trạch diệt chỉ là nên hay là nhiều vật?

Đáp: Có người nói là nên vật.

Hỏi: Nếu như vậy thì lúc chứng Trạch diệt do kiến mà đoạn pháp cũng chứng Trạch diệt do tu mà đoạn pháp hay không? Nếu cũng chứng thì đối trị sau tu sẽ trở thành vô dụng, nếu không chứng thì làm sao nên vật mà phần ít thì chứng, phần ít lại không chứng?

Đáp: Có người nói là hai vật:

1. Trạch diệt do kiến mà đoạn pháp.
2. Trạch diệt do tu mà đoạn pháp.

Hỏi: Nếu như vậy thì khi chứng Trạch diệt do kiến Khổ mà đoạn pháp, cũng chứng Trạch diệt do kiến Tập Diệt Đạo mà đoạn pháp hay không? Nếu cũng chứng thì đối trị sau tu sẽ trở thành vô dụng, nếu không chứng thì làm sao nên vật mà phần ít thì chứng, phần ít lại không chứng?

Đáp: Có người nói là năm vật, nghĩa là do Trạch diệt do kiến mà đoạn pháp có bốn, Trạch diệt do tu mà đoạn có nên.

Hỏi: Nếu như vậy thì lúc chứng Trạch diệt do kiến-tu mà đoạn pháp thuộc cõi dục, cũng chứng Trạch diệt do kiến-tu mà đoạn pháp thuộc cõi Sắc-Vô Sắc hay không? Nếu cũng chứng thì đối trị sau tu sẽ trở thành vô dụng, nếu không chứng thì làm sao nên vật mà phần ít thì chứng, phần ít lại không chứng?

Đáp: Có người nói Trạch diệt có mười nên vật, nghĩa là Trạch diệt do kiến mà đoạn pháp có tám, Trạch diệt do tu mà đoạn pháp có ba.

Hỏi: Nếu như vậy thì lúc chứng Trạch diệt do tu mà đoạn pháp phẩm Thượng Thượng thuộc cõi Dục, cũng chứng Trạch diệt do tu mà đoạn của tám phẩm sau thuộc cõi Dục hay không? Nếu cũng chứng thì đối trị sau tu sẽ trở thành vô dụng, nếu không chứng thì làm sao nên vật mà phần ít thì chứng, phần ít lại không chứng? Trạch diệt do tu mà đoạn pháp của chín phẩm thuộc cõi Sắc-Vô sắc, nêu ra hỏi cũng như vậy.

Đáp: Có người nói Trạch diệt có ba mươi lăm vật, nghĩa là Trạch diệt do Kiến mà đoạn pháp có tám, Trạch diệt do tu mà đoạn pháp thuộc ba cõi đều có chín thành ra hai mươi bảy, cộng với tám ở trước là ba mươi lăm.

Hỏi: Nếu như vậy lúc chứng Trạch diệt do tu mà đoạn pháp thuộc Tĩnh lự thứ nhất, cũng chứng Trạch diệt do tu mà đoạn pháp thuộc ba Tĩnh lự sau hay không? Nếu cũng chứng thì đối trị sau tu sẽ trở thành vô dụng, nếu không chứng thì làm sao nên vật mà phần ít thì chứng-phần ít lại không chứng? Pháp do tu mà đoạn thuộc bốn Địa Vô sắc, nêu ra hỏi cũng như vậy.

Đáp: Có người nói Trạch diệt có tám mươi chín vật, nghĩa là Trạch diệt do kiến mà đoạn pháp có tám, Trạch diệt do tu mà đoạn pháp thuộc chín địa đều có chín thành ra tám mươi một, cộng với tám ở trước là tám mươi chín.

Hỏi: Nếu như vậy thì pháp do kiến mà đoạn thuộc chín địa trong ba cõi, mỗi địa đều có bốn bộ, chín phẩm sai biệt, làm sao Trạch diệt chỉ có tám loại? Vả lại, pháp do kiến-tu mà đoạn thì mỗi địa mỗi nên bộ mỗi nên phẩm đều có nhiều loại, làm sao Trạch diệt chỉ có nên loại?

Lời bình: Nên đưa ra cách nói như vậy: Tùy theo pháp hữu lậu có thể như vậy thì Trạch diệt cũng như vậy, tùy theo thể của sự việc hệ thuộc có như vậy thì Thể lìa xa hệ thuộc cũng có như vậy.

Hỏi: Đã biết Trạch diệt tùy theo sự việc hệ thuộc có lượng như vậy, thì lúc các loại hữu tình chứng Trạch diệt, là cùng chứng như nhau hay là chứng khác nhau? Giả sử như vậy thì có gì sai? Hay cả hai đều có sai lầm? Nếu cùng chứng như nhau thì tại sao Niết-bàn gọi là pháp Bất cộng? Vả lại, nếu như vậy thì nếu lúc nên hữu tình đạt được Niết-bàn, tất cả hữu tình đều phải đạt được, nếu như vậy sẽ không nhờ vào dụng công mà tự nhiên giải thoát. Nếu chứng khác nhau, thì tại sao Niết-bàn gọi là không đồng loại? Vả lại, trong kinh nói nên hiểu như thế nào? Như nói “Như Lai giải thoát và các A-la-hán khác giải thoát không có

gì khác nhau”

Đáp: Nên đưa ra cách nói như vậy: Lúc các hữu tình chứng Trạch diệt, đều cùng chứng như nhau.

Hỏi: Nếu như vậy tại sao Niết-bàn gọi là pháp bất cộng?

Đáp: Thể của Niết-bàn tuy thật sự giống nhau, nhưng dựa theo chứng đắc mà nói thì gọi là bất cộng, bởi vì chứng đắc lìa xa hệ thuộc thì mỗi loại hữu tình khởi hiện riêng biệt trong sự tương tục của mình.

Hỏi Nếu lúc nên hữu tình đạt được Niết-bàn, thì các hữu tình khác vì sao không đạt được?

Đáp: Nếu trong thân có Niết-bàn đạt được thì gọi đạt được Niết-bàn, không có thì không như vậy, cho nên không có sai lầm là trong nên lúc tất cả hữu tình đều đạt được Niết-bàn. Có sư khác nói: Lúc các loại hữu tình chứng Trạch diệt thì tất cả đều chứng khác nhau.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao Niết-bàn gọi là không đồng loại?

Đáp: Ngăn chặn về nhân đồng loại, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Nghĩa là các Trạch diệt không có nhân đồng loại, cho nên gọi là không đồng loại, chứ không phải là các hữu tình không có Trạch diệt lần lượt chuyển tiếp tương tự.

Hỏi: Khổ pháp trí nhãn không có nhân đồng loại, cũng cần phải gọi là pháp không đồng loại, vì sao pháp hữu vi đều gọi là đồng loại, mà chỉ nói Niết-bàn gọi là không đồng loại?

Đáp: Khổ trí pháp nhãn tuy không có nhân đồng loại, nhưng có thể làm nhân đồng loại cho các pháp khác, cho nên cũng gọi là đồng loại, Niết-bàn thì không có như vậy. Lại nữa, các pháp hữu vi cùng do ba môn Uẩn-Giới-Xứ thân nhiếp, cùng thuộc về ba đời, cùng có sinh diệt, cùng có Thượng-Trung-Hạ, cùng có trước sau, cùng từ nhân mà sinh, cùng có năng lực sinh ra quả, cho nên gọi là đồng loại, Niết-bàn thì không như vậy cho nên gọi là không đồng loại. Lại nữa, trong tất cả các pháp chỉ có Niết-bàn là thiện, là thường hằng, pháp khác thì không như vậy cho nên gọi là không đồng loại. nghĩa là các pháp khác có thiện mà không thường hằng, có thường hằng mà không phải là thiện, có pháp không phải là hai loại thiện và thường hằng, chỉ riêng Niết-bàn có đủ hai nghĩa thiện và thường hằng, cho nên chỉ riêng Niết-bàn gọi là pháp không đồng loại.

Hỏi: Trong kinh đã nói lại thông hiểu như thế nào? Như nói: “Như Lai giải thoát và các A-la-hán giải thoát không có gì khác nhau”

Đáp: Giải thoát trong thân ba thừa tuy khác nhau nhưng mà thiện và thường hằng như nhau cho nên nói không có gì khác nhau. Lại nữa,

nói này biểu hiện rõ ràng trong nên tương tục có đạo ba thừa cùng chứng giải thoát, nghĩa là dựa vào thân khác đã chứng giải thoát, tuy đều có khác nhưng trong nên thân có tánh ba thừa cùng chứng giải thoát, tùy theo thừa nào dẫn dắt phát khởi Thánh đạo, cũng có thể chứng được Niết-bàn này.

Lời bình: Vấn đề ấy không nên đưa ra cách nói như vậy, nên nói theo cách này: Các loài hữu tình có khắp trong ở trong mỗi nên pháp hữu lậu, đều cùng chứng được nên Thể của Trạch diệt. Trước đây nói Trạch diệt tùy theo sự việc hệ thuộc với số lượng bao nhiêu, vì vậy cách nói trước đối với lý thì thích hợp.

Hỏi: Ở trong vật bên ngoài là cũng chứng được Thể của Trạch diệt hay không? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu cũng chứng được Thể của Trạch diệt, thì đối với pháp bên ngoài đã không có nghĩa thành tựu, làm sao thành tựu được Trạch diệt của nó? Vả lại trong kinh nói nên thông hiểu như thế nào? Như nói: “Tôn giả Xá Lợi Tử nói: Minh đoạn trừ các ái đạt được giải thoát bên trong” nếu trong vật bên ngoài không đạt được Trạch diệt, thì trong kinh đã nói làm sao thông hiểu? Như nói “đoạn tất cả các hành cho nên gọi là cõi đoạn, lìa tất cả các hành cho nên gọi là cõi Ly diệt tất cả các hành cho nên gọi là cõi Diệt”

Đáp: Nên đưa ra cách nói như vậy: Ở trong vật bên ngoài cũng đạt được Trạch diệt.

Hỏi: Nếu như vậy thì đối với vật bên ngoài đã không có nghĩa thành tựu làm sao đạt được Trạch diệt đối với vật ấy?

Đáp: Tuy với vật bên ngoài không có nghĩa thành tựu, nhưng cũng có đạt được Trạch diệt đối với vật ấy như không thành tựu tám căn là mạng... của quá khứ-vị lai, mà có chứng được Trạch diệt đối với các căn ấy, vật bên ngoài cũng như vậy có gì trái ngược nhau?

Hỏi: Trong kinh đã nói lại thông hiểu thế nào? Như nói: “Tôn giả Xá Lợi Tử nói: Minh đoạn trừ các ái được giải thoát bên trong”

Đáp: Nói đạt được giải thoát đối với nội uẩn, nên biết là đối với bên ngoài cũng đạt được giải thoát. Lại nữa, giải thoát vật bên trong mà đạt được, cho nên cũng gọi là bên trong, nghĩa là trong thân bên trong tu đạo mới đạt được. Lại nữa, vật bên ngoài giải thoát, đạt được là bên trong cho nên cũng gọi là bên trong, nghĩa là đạt được cái đạt được của nó là nội uẩn thân nhiếp. Lại nữa, đoạn phiền não bên trong mà đạt được cái diệt của nó cho nên cũng gọi là bên trong, nghĩa là trong vật bên ngoài vốn có Trạch diệt, đạo phiền não luôn luôn trói buộc bên trong mới đạt được. Vì vậy trong kinh nói: “Đạt được giải thoát bên

trong”. Có Sư khác nói: Trong vật bên ngoài không có Trạch diệt có thể đạt được, chỉ đoạn trừ sự ràng buộc của các phiền não luôn luôn trói buộc mà đạt được Trạch diệt.

Hỏi: Nếu như vậy thì trong kinh đã nói nên thông hiểu như thế nào? Như nói “Đoạn trừ tất cả các hành cho nên gọi là cõi Đoạn...”

Đáp: Kinh ấy nên nói: Đoạn các hành cho nên gọi là cõi đoạn, cho đến nói rộng ra, không cần phải nói tất cả mà lại nói tất cả, thì nên biết rằng đó là mới nói đến tất cả thuộc phần ít, nghĩa là tất cả có hai loại:

1. Tất cả thuộc phần ít.
2. Tất cả thuộc toàn phần.

Trong kinh ấy chỉ nói đến tất cả thuộc phần ít. Có người đưa ra cách nói như vậy: Trong các vật bên ngoài tuy có Trạch diệt mà không thể nào đạt được.

Lời bình: Người ấy không nên đưa ra cách nói như vậy, thà nói không có chứ không nên nói có mà không thể nào đạt được, bởi vì không thể nào đạt được thì đâu cần cái diệt vô dụng như vậy làm gì? Nên đưa ra cách nói như vậy: Cũng có và cũng đạt được. Nguyên cố thế nào? Bởi vì các pháp hữu lậu từ vô thủy đến nay do phiền não trói buộc mà không được giải thoát, nếu đoạn trừ phiền não mà lìa xa sự trói buộc của nó thì được giải thoát. Như người bị trói chặt, sau khi được cởi trói thì người gọi là được cởi trói, chứ không phải nói sợi dây trói. Đã chứng được giải thoát từ những hệ thuộc, cho nên trong vật bên ngoài cũng được giải thoát. Nếu không như vậy trái ngược với luận Phẩm Loại Túc đã nói, như nói: “Thế nào là đạt được pháp tác chứng? Trả lời: Tất cả pháp thiện”. Nếu trong vật bên ngoài tuy có Trạch diệt mà không thể nào đạt được, cần phải có pháp thiện chứ không phải là được tác chứng, thì trái với luận ấy nói, cho nên bên ngoài cũng có Trạch diệt có thể đạt được.

Hỏi: Tự tánh của Trạch diệt là ngay nơi uẩn này hay chỉ là uẩn không có? Nếu ngay nơi uẩn này thì hữu tình xưa nay phải được giải thoát, bởi vì là uẩn thành tựu xưa nay. Nếu chỉ là uẩn không có, thì như thế nào không có mà chịu khó tu tập Thánh đạo?

Đáp: Cần phải nói là Trạch diệt không phải ngay nơi uẩn này, cũng không phải là uẩn không có, chỉ từ trong các uẩn hữu lậu đạt được có tự tánh riêng biệt.

